TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-ST.

Ngày: 24 - 4 - 2019.

"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Viết Oanh.

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Lệ Thủy – C/v Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 546/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXX-DS ngày 21 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V.

Địa chỉ: Số 109 đường Đ, phường C, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện ký đơn khởi kiện theo ủy quyền: Ông D - Giám đốc Ngân hàng V – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Ông H – Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh Ngân hàng V – Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

Địa chỉ: Số 286 đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông N (vắng mặt).

Địa chỉ: Chung cư A - 33 đường T, phường A1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà T (vắng mặt).

Địa chỉ: Chung cư A - 33 đường T, phường A1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn ông H trình bày có nội dung như sau:

Ngày 30 tháng 09 năm 2016, ông N có vay vốn tại Ngân hàng V – Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng số: 4475-16/HĐTD-ĐL.

- Số tiền gốc vay: 1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng chẵn)

- Mục đích cho vay: Tiêu dùng cá nhân

- Thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày 30/09/2016

- Hình thức trả nợ:

+ Nợ gốc: trả vào ngày 10 hàng tháng, chia làm 60 kỳ (60 tháng); 59 kỳ đầu, mỗi kỳ trả 16.600.000 đồng; kỳ thứ 60 trả 20.600.000 đồng.

+ Trả nợ lãi: trả vào ngày 10 hàng tháng.

Khoản vay này Ngân hàng V chi nhánh tỉnh Đắk Lắk cho vay bằng hình thức tín chấp không có tài sản đảm bảo.

Ngân hàng V chi nhánh tỉnh Đắk Lắk đã giải ngân đầy đủ số tiền vay này cho ông N theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 4475-16/KU01-ĐL ngày 30.9.2016, số tiền đã giải ngân: 1.000.000.000 đồng.

Khoản vay của ông N đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 20/03/2018. Ngân hàng đã thông báo và làm việc trực tiếp với khách hàng đôn đốc trả nợ, tuy nhiên khách hàng vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng V – Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Ngân hàng V khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

- Buộc ông N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V – Chi nhánh Đắk Lắk theo Hợp đồng tín dụng số: 4475-16/HĐTD-ĐL ký ngày 30 tháng 09 năm 2016 với tổng số tiền tính đến hết ngày 24-4-2019 là 823.881.808 đồng trong đó:

+ Nợ gốc là 708.594.690 đồng.

+ Nợ lãi tính đến ngày 24-4-2019, tổng số tiền lãi là: 115.287.118 đồng; trong đó lãi trong hạn là 87.150.525 đồng ; lãi quá hạn là 28.136.593 đồng.

Và yêu cầu ông N tiếp tục trả lãi suất theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thực hiện các quy định theo luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

2. Tại phiên tòa ông N vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai ông N trình bày có nội dung như sau:

Ngày 30 tháng 09 năm 2016, tôi có vay vốn tại Ngân hàng V – Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng số: 4475-16/HĐTD-ĐL, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Vì khi đó tôi đang công tác tại Viettel Đắk Lắk nên đây là hợp đồng tín dụng vay tín chấp bằng lương, không thế chấp tài sản. Thời hạn vay là 60 tháng, trả nợ gốc cố định hàng tháng và trả nợ lãi theo dư nợ thực tế.

Đến tháng 8 năm 2017, tôi nghỉ việc tại Viettel Đắk Lắk, tôi có hẹn gặp và làm việc với Ngân hàng, tôi có thông báo cho Ngân hàng về tình hình công việc của cá nhân tôi và Giám đốc Ngân hàng V – Chi nhánh Đắk Lắk cũng thống nhất với tôi là đóng gốc và lãi như hiện tại.

Do tình hình tài chính lúc bấy giờ khó khăn, tôi không thể đảm bảo trả tiền cho Ngân hàng hàng tháng nên tôi đã chủ động gặp Ngân hàng để hoãn việc đóng gốc và lãi thành 3 tháng (tôi vẫn chịu lãi và mức phạt theo quy định). Sau 3 tháng đó do vẫn khó khăn nên tôi đã đóng 1 tháng 1 lần. Hàng tháng tôi vẫn nhận được tin nhắn thông báo gốc và lãi cộng với tiền phạt nên bản thân tôi nghĩ trong lúc khó khăn mình chấp nhận chịu lãi cao và tiền phạt của Ngân hàng.

Trong giai đoạn từ tháng 4 năm 2018 tới nay, tôi thực sự gặp khó khăn trong việc trả nợ Ngân hàng hàng tháng để tập trung kinh doanh, sau đó tôi sẽ trả nợ theo quy định, tôi vẫn sẽ chấp nhận chịu lãi và chịu phạt theo quy định của Ngân hàng.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng V. Tuyên buộc ông N thanh toán nợ cho Ngân hàng V tổng số tiền là 823.881.808 đồng trong đó: Nợ gốc là 708.594.690 đồng; nợ lãi tính đến ngày 24-4-2019, tổng số tiền lãi là: 115.287.118 đồng (lãi trong hạn là 87.150.525 đồng ; lãi quá hạn là 28.136.593 đồng).

Về án phí: Ông N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[2]. Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà T đã được Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng ông N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà T vẫn vắng mặt không lý do là lần thứ hai nên Tòa án tiến hành phiên tòa sơ thẩm để giải quyết yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 30 tháng 9 năm 2016, ông N và Ngân hàng V – Chi nhánh Đắk Lắk đã ký kết đồng tín dụng số: 4475-16/HĐTD-ĐL, theo đó Ngân hàng cho ông N vay số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời hạn vay là 60 tháng, cách thức trả nợ như sau: trả vào ngày 10 hàng tháng, chia làm 60 kỳ (60 tháng); 59 kỳ đầu, mỗi kỳ trả 16.600.000 đồng; kỳ thứ 60 trả 20.600.000 đồng. Thời hạn trả nợ lãi là ngày 10 hàng tháng. Khoản vay của ông N đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 20/3/2018. Như vậy, ông N đã vi phạm hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Ông N vay vốn tại Ngân hàng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân, vợ của ông N là bà T không tham gia ký kết hợp đồng và không liên quan gì, mặt khác Ngân hàng V chỉ yêu cầu ông N có trách nhiệm trả nợ. Do vậy, không buộc bà T có trách nhiệm liên đới với ông N cùng trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể: 36.000.000 đồng + (23.881.808 đồng x 3%) = 36.716.454 đồng án phí DSST.

Hoàn trả cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.361.000 đồng *(Mười bảy triệu, ba trăm sáu mươi mốt nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008325 ngày 22/10/2018.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Buộc ông N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V tổng số tiền là 823.881.808 đồng tính đến ngày 24/4/2019.

Trong đó tiền gốc vay là 708.594.690 đồng; tổng số tiền lãi là: 115.287.118 đồng (lãi trong hạn là 87.150.525 đồng; lãi quá hạn là 28.136.593 đồng).

Kể từ ngày 25/4/2019 ông N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4475-16/HĐTD-ĐL cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất phải tiếp tục thanh toán sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2. Về án phí:

Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.716.454 đồng.

Ngân hàng V được nhận lại 17.361.000 đồng (Mười bảy triệu, ba trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số AA/2017/0008325 ngày 22/10/2018.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lăk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Duy Dương